

SẮC THÁI VĂN HOÁ NGA QUA THÀNH NGỮ TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA LEV TOLXTOI

DƯƠNG QUỐC CƯỜNG
(TS, ĐHNN, Đại học Đà Nẵng)

1. Thành ngữ là những tổ hợp từ cố định ở dạng có sẵn, trọn vẹn về ý nghĩa, là đơn vị ngôn ngữ được tái hiện toàn bộ trong trí nhớ của người nói khi giao tiếp. Thành ngữ chứa đựng thành tố văn hóa dân tộc đậm nét trong ngữ nghĩa của mình. Thành ngữ rất phong phú về mặt cảm xúc và cô đọng, có tính hình tượng cao làm tăng hiệu quả cảm nhận một phát ngôn và làm cho phát ngôn mang nhiều màu sắc dân tộc hơn. Thành ngữ cùng là nguồn ngữ liệu chủ yếu cho tri thức nền của một dân tộc và còn có khả năng chứa đựng các thông tin ngoài ngôn ngữ. Và chính bản chất và nội dung của thành ngữ quy định những đặc điểm văn hóa dân tộc. Qua thực tiễn dạy - học ngoại ngữ, thành ngữ giới thiệu cho người học các tri thức phong phú về mặt lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, văn học và tập tục của dân tộc có thứ tiếng đó. Không thể gọi là nắm được một ngôn ngữ nếu không nghiên cứu một cách có hệ thống các thành ngữ của ngôn ngữ đó, nhưng cũng không thể nói là nắm được các thành ngữ nếu không hiểu rõ xuất xứ của chúng. Một thực tế là giảng dạy ngoại ngữ nói chung, tiếng Nga nói riêng “dựa trên các yếu tố văn hóa được so sánh giữa các dân tộc là phương thức quý giá giúp người học có một cái nhìn mở ra bên ngoài, là nguồn hứng khởi, là cơ hội thực hành ngôn ngữ khi họ biểu đạt cái tương đồng và dị biệt trong hai thực thể văn hóa” [3, 6].

2. Thành ngữ Nga mà chúng tôi nghiên cứu và thu thập trong các tác phẩm của Lev Tolxtoi, với tư cách là người đại diện xứng đáng của ngôn ngữ Nga, đã phản ánh việc một nhà văn Nga vĩ đại sử dụng ó chọn lọc, theo đúng tinh thần của cộng đồng người Nga và phản ánh rõ nét văn hóa dân tộc Nga. Giá trị văn hóa dân tộc Nga của các thành ngữ được sử dụng trong các tác phẩm của Lev Tolxtoi do ba hình thức cấu thành:

a/ Với ý nghĩa mang tính đặc thù của mình, các thành ngữ dung hợp trong tác phẩm của Lev Tolxtoi phản ánh văn hóa dân tộc Nga một cách hoàn chỉnh, trọn vẹn. Ví dụ:

- Чудный народ! – сказал француз, - наш Неаполинганский король, который в этих делах собаку съел, кричал им: bravo! (Война и мир. Т. III, стр. 374).

(Thực là bọn hảo hán, Quốc vương thành Naples của chúng tôi *biết người biết của*, đã phải kêu lên: hoan hô (Chiến tranh và hòa bình, T. III, tr. 531)).

- Ему сказалося, что она не *бросит камня* и с простой и решительностью поедет к Анне и примет ее (Анна Каренина, Т. II, стр. 91).

(Chàng tin là sẽ không *lên án* hai người, sẽ vui vẻ, mạnh dạn đến thăm và tiếp Anna ở nhà bà (Анна Карênhina, Т. II, tr. 139)).

- Что ж, пришли подивиться, как антихрист людей мучает? На вот, гляди.

Забрал людей, запер в клетку войско целое. Люди должны *в поте лица хлеб есть*, а он их запер, как свиней кормит без работы, чтоб они озверели (Воскресение, стр. 439).

(Thế nào anh đến xem những tên phản chúa hành hạ người ta từng đoàn từng lũ. Người đời phải *đổ mồ hôi sôi nước mắt* (hoặc *một nắng hai sương*) mới có miếng ăn, vậy mà nó nhốt người ta lại, nuôi cho ăn mà chẳng làm gì, như những con lợn ấy, để cho tất cả biến thành giống thú vật (Phục Sinh, T. II, tr. 428)).

- Князь опять засмеялся своим холодным смехом: - Бонапарте *в рубашке родился*. Солдаты у него прекрасные. Да и на первых он на немцев папал. А немцев только ленивый не бил (Война и мир, T. 1, стр. 131).

(Công tước lại cất tiếng cười lạnh lùng quen thuộc: - Bonaparte *có số đỏ*. Hắn ta có quân lính giỏi. Trước tiên là hắn ta đánh Đức mà xưa nay chỉ có bọn lười biếng mới thắng nổi quân Đức (Chiến tranh và hòa bình, T. I, tr. 304)).

Cũng có những thành ngữ mà Lev Tolxtoi sử dụng chỉ các hiện tượng văn hóa không quen thuộc với chúng ta. Chúng không dễ dàng dịch được sang một ngôn ngữ khác mà vẫn bảo toàn trọn vẹn bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Ví dụ:

- Я ужасно желала прежде, чтобы Nicolas женился на ней, но я всегда как бы предчувствовала, что этого не будет. Она *пустоцвет*, знаешь, как на клубнике (Война и мир, T. IV, стр. 268).

(Xưa em thiết tha mong Nicolas cưới chị ấy, vậy mà em luôn luôn như linh cảm rằng việc đó không thành. Chị ấy là "*bông hoa lép*", như thường thấy, *trên cây dâu tây* (Chiến tranh và hòa bình, T. IV, tr. 418)).

- А каждое такое дело стоит огромного труда. Ведь и мы тоже, как какой-то писатель говорит, оставляет *кусочек мяса в чернильнице* (Воскресение, T. I, стр. 155).

(Mỗi vụ như thế là phải tốn bao nhiêu là tâm huyết. Như một nhà văn nào đó đã nói, bọn chúng tôi cũng để lại "*xương máu trong lọ mực*" (Phục sinh, T. I, tr. 270)).

- Говорят, что государь неохотно передал эту власть Кутузову. Говорят, что он *покраснел, как барышня, которой бы прочли Жоконду...* (Война и мир, T. III, стр. 135).

(Nghe đâu như hoàng thượng miễn cưỡng giao quyền đó cho ông ta. Người ta bảo Ngài *đỏ mặt lên như thiếu nữ nghe đọc chuyện Joconde* (Chiến tranh và hòa bình, T. III, tr. 217)).

Những thành ngữ có cấu trúc và nội dung tương tự cũng có trong tiếng Việt: nói dối như Cuội, máu Hoạn Thư, sư tử Hà Đông, oan Thị Mầu...

b/ Các thành ngữ trong các tác phẩm của Lev Tolxtoi có thể phản ánh những sắc thái văn hóa dân tộc Nga một cách riêng rẽ, bằng từng thành tố ngữ nghĩa độc lập.

Ví dụ:

- Яшвин был в полку лучший приятель Вронского. Вронский любил его и за его необычайную физическую силу, которую он большею частью высказывал тем, что мог *пить как бочка*, не спать и быть все таким же (Анна Каренина, T. I, стр. 186).

(Yasvin là bạn thân nhất của Vronxki trong trung đoàn. Vronxki yêu anh ta vì sức khỏe kì lạ, trong nhiều trường hợp thường biểu lộ bằng cách *nốc rượu như thùng tôn*, bằng cách không ngủ mà lúc nào trong người cũng sáng khoải (Anna Karênhina, T. I, tr. 274)).

- Каждый день утром и вечером он, ложась, говорил, «Положи, господи, камушком, подними калачиком!» И

действительно, стоило ему лечь, чтобы тотчас же *заснуть камнем* (Война и мир, T.IV, стр. 135).

(... Mà quả thực, hễ nằm xuống là *ngủ say như chết* (Chiến tranh và hòa bình, T. IV, tr. 76)).

- Я знаю, что он, как рыба в воде плавает, и нас лаждается во лжи (Анна Каренина, T. I, стр. 296).

(Mình thừa hiểu con người lão, biết lão hời trong đối trá *như cá bơi trong nước* và lão còn lấy thể làm khoái trá (Анна Каренина, T. I, tr. 449)).

c/ Các thành ngữ mà Lev Tolxtoi sử dụng còn có thể phản ánh đặc trưng văn hóa đa dạng bằng chính nguyên mẫu biểu đạt của mình: miêu tả tập tục, tín ngưỡng, hành vi tiêu biểu của dân tộc Nga.

Ví dụ: Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy hơn một trăm lượt Lev Tolxtoi sử dụng thành ngữ với từ “бог” thể hiện tín ngưỡng của dân tộc Nga thời đó là tin vào đức Chúa trời.

- Что считаться? Наши счета бог *сведет*, - проговорила она и черные глаза ее заблестели в ступивших в них слез (Воскресение, стр. 434).

- «Что ж, *слава богу*, присчастили, соборовали, дай бог каждому так умереть» (Анна Каренина, T. II, стр. 60).

- Бог *помилует*, никакие дохтура не нужны, - говорила Няня Савшина...

- Ах, боже мой! *Слава богу!* – сказала княжна Марья. – *Слава богу!* – сказал голос. А батюшка? ... (Война и мир, T. II, стр. 42).

3. Việc “so sánh thành ngữ của hai nền văn hóa xa nhau cho phép hiểu đúng hơn về cách tư duy hình tượng” của những người đại diện cho một ngôn ngữ và văn hóa nhất định [5, 136]. Chúng tôi thấy hệ thống các hình tượng được ghi trong các đơn vị thành ngữ trong tác phẩm Lev Tolxtoi là kho báu của dân tộc Nga

lưu giữ thế giới quan và tinh thần cộng đồng người Nga, tinh hoa văn hóa truyền thống của dân tộc Nga. Đặc tính quan trọng này được thể hiện rõ nét nhất trong đối chiếu so sánh thành ngữ Nga - Việt và hai nền văn hóa qua tác phẩm của Lev Tolxtoi.

Trong các tác phẩm của Lev Tolxtoi chúng tôi bắt gặp rất nhiều văn cảnh mà ông dùng thành ngữ có từ “душа” và “сердце”. Ví dụ: Trong Anna Karênhina: *в душе тайны* (T. I, стр. 113), *не вложить в душу ребенка* (T. III, стр. 209), *сказать на сердце* (T. II, стр. 246), *люди без сердца* (T. II, стр. 285), *держат сердце в руках* (T. II, стр. 262), *в душе хаос* (T. II, стр. 10), *золотое сердце* (T. I, стр. 596), *в глубине души* (T. I, стр. 328), *от всей души* (T. I, стр. 304).

Ý nghĩa của các từ tiếng Nga “душа” hoặc “сердце” ở các ngữ cảnh khác nhau có thể được diễn đạt trong tiếng Việt là *trái tim vàng, thâm tâm, thay lòng đổi dạ, lòng gang dạ thép, bụng làm dạ chịu, lòng lang dạ sói, xấu bụng hở dạ, mở cờ trong bụng, bụng bảo dạ...*

Hoặc đối với người Nga, bánh mì (хлеб) là hình ảnh tượng trưng cho sự no đủ, sự quý trọng lao động, món quà xứng đáng cho sức lao động sáng tạo của người Nga. Lev Tolxtoi cũng dùng rất nhiều thành ngữ có từ “хлеб” trong các tác phẩm bất hủ của mình.

Ví dụ:

- Верно... Немец на *обухе молотит хлебец* – перекладывая янтарь на другую сторону рта, - сказал Шинишин и подмигнул графу (Война и мир, T. I, стр. 76).

(Quả đúng thật, ... người Đức *có tài xoay xở*. – Sinisin nói, rồi nháy mắt với Bá tước một cái (Chiến tranh và hòa bình, T. I, tr. 206)).

- Графине Марье хотелось сказать ему, что *не о едином хлебе сыт будет человек* что он слишком много присывает

важности этим делам (Война и мир, Т. IV, стр. 298).

(Bá tước phu nhân Maria muốn nói với chồng rằng con người *không phải chỉ sống bằng bánh mì*, mà chàng quá coi trọng những việc làm ăn của chàng (Chiến tranh và hòa bình, T. IV, tr 456)).

Và trong thành ngữ tiếng Việt cũng có những thành ngữ có từ “com”: *com dẻo canh ngọt, com hàng cháo chợ, com nhà má vợ, com bụng nước rớt, com thừa canh cặn, com niêu nước lợ...*

Trên đây là những kết quả của chúng tôi trong việc nghiên cứu thành tố văn hóa dân tộc Nga của thành ngữ mà Lev Tolstoi đã sử dụng trong tác phẩm của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Hữu Luyến (2000), *Vấn đề văn hóa trong dạy - học ngoại ngữ xét từ góc độ phương pháp luận*, Nội san Ngoại ngữ, số 3.
2. Trịnh Thị Kim Ngọc (1999), *Ngôn ngữ và văn hóa tri thức nền và việc dạy tiếng nước ngoài*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Lân Trung (2000), *Các thành tố văn hóa và văn minh trong giảng dạy ngoại ngữ*, In trong kỉ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc: Thành tố văn hóa trong việc dạy - học ngoại ngữ, Hà Nội.
4. Trần Quốc Vượng (chủ biên) và các tác giả (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
5. Костомаров В. Г. (1999), *Языковой вкус эпохи*, Изд. «Злотоуист», Санкт – Петербург.
6. Шанский Н. М. (1969), *Фразеология современного русского языка*, Изд. «Высшая школа», Москва.
7. Шуба П. П. (1979), *Современный русский язык*, Минск.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 24-04-2011)

(THĂM HÀN SƠN... tiếp theo trang 38)

hỏa, ngư hỏa là lửa chài. Cụm danh từ này muốn nói: đêm đã sâu, nhà chài dường như đã ngủ, *ngọn lửa chài* trên bến *Giang kiều* và *Phong kiều*, cùng trên một khúc sông ngắn, hiện ra trong không gian *sương mãn thiên*, chập chờn, mờ tỏ dường như cũng *đối nhau trong giấc ngủ buồn (đối sầu miên)*... Cái chập chờn trong giấc ngủ buồn của ngọn lửa chài giữa một vùng rừng núi thâm u chỉ càng khiến lữ khách buồn hơn, thăm thía hơn nỗi cô đơn của mình.

Hai câu còn lại, quả là phần dịch của Tân Đà đã không lột được cái hồn của nguyên tác, đã đưa chủ thể trữ tình, tác giả Trương Kế, ra ngoài không gian cảm xúc của chính mình, khi hỏi “Thuyền ai ...nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn”. Trong nguyên tác:

“Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền”

Câu thơ có nói đến ngoại thành Cô Tô, có nói đến chùa Hàn Sơn, nhưng là để nói rộng cái không gian giãn cách giữa lữ khách với thế giới bên ngoài con thuyền, nhằm làm nổi bật tình trạng cô đơn của lữ khách. Tiếng chuông phải vượt qua gần hết hai câu thơ mới vang lên được, phải vượt qua *Cô Tô thành ngoại*, vượt qua *Hàn Sơn tự*, vượt qua thời gian *dạ bán* rồi mới ngân lên trong hai chữ *chung thanh* để *đáo khách thuyền*. Hành trình của tiếng chuông đầy kịch tính. Tâm trạng của lữ khách trong đêm ghé thuyền ở bến Phong Kiều vốn được mở ra từ tiếng *qua kieu sương*, với miên man nỗi buồn cô tịch, lạnh lẽo, đã ầm dần lên theo âm thanh ngân nga của tiếng chuông chùa. Đó là tiếng chuông muôn thừa đã, đang, và mãi vẫn hút hồn du khách muôn phương.

Thăm Hàn Sơn tự, giống lên đôi ba tiếng chuông, lòng du khách không mấy ai không bị cuốn vào cái thế giới trầm mặc, mông lung và nỗi niềm cô đơn của người - lữ - khách- nghìn- đời, trong *Phong Kiều dạ bạc*.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 25-04-2010)